TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2025
Về việc:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Minh và Đàm Thị Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh . Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" thụ lý số 148/2024/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX- ST, ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 14 tháng 2 năm 2025, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Vạn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Lê Đình T1, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T, anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Vạn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vạn Thị T và anh Lê Đình T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/11/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân 8 năm nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình T1.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Đình V, sinh ngày 19/12/2008. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu V sống cùng chị. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị đang sống cùng bố mẹ chị tại Bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An và chị đang làm việc cho nhà hàng H và làm thêm tại quán ăn của bà Châu B, đều có địa chỉ tại thị trấn T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Thu nhập bình quân mỗi tháng 8.000.000đ, nên có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng đối với anh Lê Đình T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 biết sự việc nhưng không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn.

***** Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 01 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cung cấp thông tin:

Anh Lê Đình T1 và chị Vạn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp ngày 21/11/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số 41/2008 Quyển số 01/2008.Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng thế nào địa phương không nắm được vì gia đình không báo cáo chính quyền địa phương và cũng không làm đơn gửi chính quyền địa phương yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng.

Sau xảy ra mâu thuẫn, chị T và con chung đã về nhà bố mẹ đẻ sống, anh T1 vẫn sống tại gia đình ông Lê Đình Đ (bố anh T1).

Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung là cháu Lê Đình V, sinh ngày 19/12/2008, hiện cháu đang sống cùng chị T. Chị T không sống tại địa phương nên cụ thể chị P làm công việc gì, thu nhập bao nhiêu một tháng địa phương không nắm được, còn anh T1 là lao động tự do, thu nhập cụ thể thế nào địa phương cũng không nắm được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Vạn Thị T được ly hôn với anh Lê Đình T1.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Đình V, sinh ngày 19/12/2008 cho chị Vạn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Vạn Thị T và anh Lê Đình T1 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, chị T có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Vạn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/11/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số 41/2008, Quyển số 01/2008. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân 8 năm nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vạn Thị T được ly hôn với anh Lê Đình T1.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Đình V, sinh ngày 19/12/2008. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu V sống cùng chị. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T là chính đáng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu V sống cùng chị T, điều kiện sức khỏe, hoc tập của cháu phát triển tốt nay cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hiện tại chị T và cháu V đang sống bố mẹ chị T tại Bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An và chị đang làm việc cho nhà hàng H và làm thêm tại quán ăn của bà Châu B, đều có địa chỉ tại thị trấn T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Thu nhập bình quân mỗi tháng 8.000.000đ, nên chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung

Để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu V và để cháu phát triển tốt nhất nên tiếp tục giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần cấp dưỡng.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vạn Thị T được ly hôn với anh Lê Đình T1

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đình V, sinh ngày 19/12/2008 cho chị Vạn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Đình T1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vạn Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004312 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vu án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan